|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Bài 6: HÀNH TRÌNH TRI THỨC**

**(Nghị luận xã hội – 12 tiết)**

**Tiết 73+74: TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH ( Nguyễn Hiến Lê)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Khái niệm và đặc điểm của văn bản Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Kĩ năng đọc văn văn bản Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (nhận biết các đặc điểm của thể loại).

**2.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản;

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- KHBD, SGK, SGV

- PHT

- Tranh ảnh liên quan đến bài học

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**2. Học liệu**

- Tri thức đọc hiểu, tri thức Tiếng Việt

I**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề của bài học 6 là *Hành trình tri thức* gắn với thể loại văn bản nghị luận.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV chiếu cho HS xem video [“Đác-uyn – Nhà bác học không ngừng học”](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM)

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM> .

Yêu cầu: HS xem video và trả lời các câu hỏi: *? Tại sao Đác-uyn dù đã lớn tuổi nhưng vẫn tiếp tục học? Theo em thế nào là tự học, việc tự học có gì thú vị*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ cá nhân thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS chia sẻ cá nhân, trả lời câu hỏi của GV

**\* Tự học** được hiểu đơn giản quá trình tự làm việc, tự tiếp thu kiến thức mà không có sự hướng dẫn chỉ bảo của người khác. Bản thân bạn phải tự nghiên cứu, suy luận, tư duy, làm chủ kiến thức và không bị giới hạn về thời gian, khối lượng kiến thức.

\* Việc tự học có điều thú vị là:

- Khi tự học, người học được làm chủ quá trình tiếp thu tri thức; bao gồm cả thời lượng học, khối lượng kiến thức phải nạp cùng phương pháp học.

- Tạo tinh thần thoải mái

- Tự khám phá ra một đơn vị kiến thức nào đó mang lại cảm giác thích thú, tâm đắc cho người học. Giúp người học khám phá được năng lực bản thân.

- Sản phẩm kiến thức của quá trình tự học sẽ được ghi nhớ lâu hơn.

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV: Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Giới thiệu bài học 6:**

*Học là một hoạt động không thể thiếu đối với tất cả mọi người từ khi sinh ra cho đến suốt cuộc đời. Mỗi người muốn tồn tại phát triển và thích ứng được với XH thì cần phải học tập ở mọi hình thức bởi cuộc sống luôn vận động và phát triển không ngừng .Lê nin từng nói: “Học, học nữa, học mãi”. Câu nói đó luôn có giá trị ở mọi thời đại, đặc biệt trong xã hội ngày nay đang hướng tới nền kinh tế tri thức, nó đòi hỏi mọi người phải vận động để theo kịp sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy mà tinh thần tự học có vai trò vô cùng quan trọng.*

**HĐ 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu.**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được chủ điểm, thể loại chính của văn bản: văn nghị luận, các yếu tố cơ bản của văn nghị luận; mục đich viết văn nghị luận.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và làm việc cá nhân cùng với câu hỏi:*  *+ Chủ đề của bài học là gì*  *+ Thể loại chính của chủ đề? Kể tên các văn bản trong chủ đề*  ? VB nghị luận về một vấn đề đời sống viết ra để làm gì?  ? Hoàn thành bài tập điền từ còn thiếu và chỗ trống    *? Từ phiếu học tập trên em hãy rút ra đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm cặp đôi hoàn thành phiếu học tập.  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV: NX, KL, chốt nội dung kiến thức: | **I. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu.**  - Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Hành trình tri thức”  ***- Thể loại: Văn Nghị luận xã hội***  - Các văn bản:  + Tự học – Một thú vui bổ ích ( Nguyễn Hiến Lê)  + Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm)  + Tôi đi học (Thanh Tịnh)  + Đừng từ bỏ cố gắng ( Theo Trần Thị Cẩm Quyên).  **1. Khái niệm**  ***- Văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.***  ***2. Đặc điểm:***  ***Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống có những đặc điểm sau:***  ***- Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.***  ***- Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.***  ***- Ý kiến lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.*** |

**II. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**:

- Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ của tác phẩm.

- Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  *? Nêu vài nét về tác giả ?*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, kl  **NV2:**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  *GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ Trong quá trình đọc trả lời các câu hỏi phần theo dõi, suy luận.*  *(1) Vì sao tự học là “ một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân”*  *(2) Những trích dẫn sử trong đoạn văn nhằm mục đích gì ?*  *? Văn bản thuộc thể loại nào?*  *? Xác định phương thức biểu đạt chính?*  *? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, kl | **II. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **1. Tác giả, tác phẩm**  Tiểu sử và cuộc đời học giả Nguyễn Hiến Lê – ECCthai  - Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984)  - Quê : Sơn Tây (Ba Vì – Hà Nội)  - Ông là một tác giả, dịch giả, nhà giáo dục, nhà văn hoá với nhiều tác phẩm sáng tác, biên soạn, dịch thuật nhiều lĩnh vực khác nhau.  Ông đã có 120 tác phẩm sáng tác, biên soạn và dịch thuật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, văn học, ngữ học, triết học, lịch sử, du ký, gương danh nhân, chính trị, kinh tế,...  - Một số tác phẩm tiêu biểu: *Kim chỉ nam cho học sinh (1951), Tổ chức gia đình - 1953, Nghệ thuật nói trước công chúng (1953), Tương lai trong tay ta (1962), Hương sắc trong vườn văn (1962), Luyện lý trí - 1965, Sống 365 ngày một năm - 1968, Cháu bà nội tội bà ngoại - 1974, Hồi ký Nguyễn Hiến Lê (xuất bản 1992)...*  **2. Đọc văn bản**   (*1)Theo dõi: Tự học là “một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân” vì khi đó chúng ta độc lập tìm hiểu, tự tìm tòi, khám phá.*  *(2) Suy luận: Những trích dẫn được sử dụng trong đoạn văn là những nhân vật, sự kiện cụ thể, chính xác nhằm mục đích thuyết phục người đọc, người nghe về những lợi ích của việc tự học*.  - Trích từ tác phẩm Tự học – một nhu cầu thời đại  ***- Thể loại: văn nghị luận***  ***- PTBĐ: nghị luận***  - Bố cục văn bản gồm 3 phần:  + Phần 1 (từ đầu đến “*...thi vị*”): Cái thú tự học giống cái thú đi chơi bộ  + Phần 2 (tiếp đến “*...mà không hết buồn*”): Tự học là phương thuốc trị bệnh âu sầu  + Phần 3 (còn lại): Tự học là một thú vui thanh nhã, nó nâng cao tâm hồn ta.  *\* Tóm tắt nội dung chính: Tự học là sự cần thiết nhưng không bắt buộc. Tự học được ví như một cuộc du lịch bằng trí óc nhưng say mê gấp trăm lần đi du lịch bằng chân. Và cuộc du lịch ấy cũng tự do, ta muốn đi đâu thì đi, ngừng đâu thì ngừng. Tự học cũng khiến ta hết âu sầu. Tự học mang đến cho ta niềm vui, nó là một thú vui bổ ích, thanh nhã, nâng cao tâm hồn con người.* |

**III. Suy ngẫm và phản hồi.**

**Hoạt động 1: 1. Nêu vấn đề**

**a. Mục tiêu**:

- Hiểu được mục đích của văn bản Tự học – một thú vui bổ ích

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  **Gv** tổ chức cho hs trả lời các câu hỏi.  *+ VB nghị luận viết ra nhằm mục đích gì?*  *+ VB Tự học – một thú vui bổ ích viết ra nhằm thuyết phục chúng ta về điều gì*  *+ Tác giả đã nêu vấn đề như thế nào?*  *+ Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề ấy?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - GV gợi mở (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Nêu vấn đề**  - VB nghị luận được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.  - VB *Tự học*… được viết ra để thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.  => Nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn, xúc tích |

**Hoạt động 2: 2. Giải quyết vấn đề**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết và chỉ ra mối liên giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

**b. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc vă bản, gạch chân những ý chính trong đoạn văn. Thảo luận 4 nhóm theo PHT  **VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN**  **Thú vui tự học**  Ý kiến 3  ……………….  ……….  Ý kiến 1  …………………..  Ý kiến 2  ……………………  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………..  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………...  Lí lẽ……….  Dẫn chứng………..  *? chỉ rõ những lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu trong văn bản?*  *Câu hỏi gợi dẫn:*  *? Chỉ ra các câu văn nêu ý kiến, các câu văn nêu lí lẽ, dẫn chứng trong VB?*  *+ HS đọc lại đoạn cuối của VB:*  *? Chỉ ra những bằng chứng trong đoạn trích này?*  *? Em có nhận xét gì về những bằng chứng này?*  *? Vì sao những bằng chứng này có thể làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Giải quyết vấn đề** |

**PHT**

**VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN**

**Thú vui tự học**

Ý kiến 1:

Thú tự học giống cái thú đi chơi bộ.

Ý kiến 2:

Thú tự học là phương thức chữa bệnh âu sầu

Ý kiến 3

Thú tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tâm hồn ta lên.

**Lí lẽ**: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội

**Dẫn chứng**

+ Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến -> những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống -> khẳng định dù bất kì ai chỉ cần tìm tòi, học tập thì sẽ tiến bộ và có thể cống hiến cho xã hội

+ Những tấm gương nhà khoa học tự học…

**Lí lẽ:** Tự học giúp người học hình thành tri thưc một cách tự chủ, tự do

**Dẫn chứng:** Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…

**Lí lẽ:** Việc đọc sách giúp ta cảm thấy đồng cảm, an ủi

**Dẫn chứng**: Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn, quá trình đọc sách của Mon-ti Mông-te-xki-ơ

………...

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***- Ý kiến 1:* *Thú tự học giống thú đi bộ***  ***- Ý kiến 2:* *Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu c. - Ý kiến 3: Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn ta lên***  - ***=> Những dẫn chứng tác giả nêu ra rất rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục theo một trình tự rất hợp lý.***  => Nhiều người biết, đáng tin cậy, số đông thừa nhận nên những bằng chứng này có tác dụng làm rõ cho ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận. |

**Hoạt động 3: 3. Nhận diện đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua VB**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống qua văn bản *Tự học – một thú vui bổ ích*

**b. Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  ? Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra Tự học – một thú vui bổ ích là văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần tri thức đọc hiểu thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, kl | **3. Nhận diện đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua VB.**  ***- VB thể hiện thái độ đề cao, đồng tình của người viết với việc tự học***  ***- VB đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm rõ cho ý kiến, các lí lẽ, ý kiến được sắp xếp theo trình tự hợp lí ( trước hết, hơn nữa, quan trọng hơn cả: tăng dần theo mức độ quan trọng) để người đọc nhận ra các lợi ích của việc tự học*** |

**HĐ 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên tổ chức trò chơi “Bay lên nào” qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” đưa ra mấy ý kiến?

- 3 ý kiến

**Câu 2**: Dẫn chứng cho ý kiến “*Thú tự học giống thú đi bộ”*?

- Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…

**Câu 3**: Vì sao bằng chứng “Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến” lại làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?

**-** Họ là những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống

D. Vì họ là những người có sức ảnh hưởng lớn

**Câu 4**: VB *Tự học – một thư vui bổ ích* viết ra nhằm mục đích gì?

**-** Thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.

**Câu 5.** “Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn” là dẫn chứng cho ý kiến nào?

*- Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*

**Câu 6**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” thuộc thể loại gì?

- Văn nghị luận

**Câu 7.** Nội dung chính của văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” là gì?

- VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**HĐ 3: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (Về nhà)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*? Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của bản thân mình?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

**\* Dặn dò: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Bàn về đọc sách”**

**Tiết 75+76: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

**(Chu Quang Tiềm)**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: *Xem video sau và cho biết thông điệp được gửi gắm là gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HĐ2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động: I. Chuẩn bị đọc.**

**a. Mục tiêu:**

Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến chủ đề của văn bản sẽ đọc( cách đọc sách hiệu quả).

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *? Theo em, thế nào là đọc sách có hiệu quả?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV tổng kết các ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài. |  |

**Hoạt động: II. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**:

- Biết được một số nét khái quát về tác giả, xuất xứ của tác phẩm.

- Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt.

- Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

**b. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập.**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về PHT1 (GV đã giao về nhà chuẩn bị từ tiết trước)    *? Giới thiệu đôi nét về tác giả* *Chu Quang Tiềm?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **1. Tác giả**  C:\Users\Admin\Documents\Zhu_Guangqian_1933_(cropped).jpg  - Chu Quang Tiềm (1897 – 1986)  - Là nhà mĩ học và lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  + GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)  + GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  + GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản  *? Nêu xuất xứ của văn bản?*  *? Văn bản thuộc thể loại nào?*  *? Xác định phương thức biểu đạt chính?*  *? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  **- *Đọc***  ***- Xuất xứ: In trong “Danh nhân TQ bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”***  ***- Thể loại: văn nghị luận***  ***- PTBĐ: nghị luận***  - Mục đích: khẳng định đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Đồng thời, từ việc đưa ra những sai lầm trong việc đọc sách để hướng tới cách đọc sách khoa học, hợp lí cho con người.  ***- Bố cục: 3 phần***  + Từ đầu … “làm kẻ lạc hậu”: Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách  + Tiếp … “Những cuốn sách cơ bản”: Các khó khăn, thiên hướng sai lệch khi đọc sách  + Còn lại: Phương pháp đọc sách |

**III. Suy ngẫm và phản hồi.**

**1. Bàn về đọc sách.**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống

- Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

**B. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  *? Văn bản “Bàn về đọc sách” được viết ra nhằm mục đích gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - GV gợi mở (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **a. Mục đích của văn bản**  ***Thuyết phục người đọc về 2 vấn đề***  ***(1) Tầm quan trọng của việc đọc sách.***  ***(2) Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ khi đọc.*** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + Yêu cầu HS hoàn thiện PHT 2    + Trả lời 3 câu hỏi sau khi hoàn thiện PHT2    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **b. MQH giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB**  Soạn bài 6 Đọc Bàn về đọc sách  Nhận xét:  *- Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí*  *- Việc sắp xếp các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng góp phần làm rõ mục đích của văn bản*  *- Tác giả sắp xếp theo trình tự “một là…”, “hai là…” nhằm giúp người đọc dễ dàng nhận ra các lí lẽ, điều này giúp tăng sức thuyết phục cho VB.* |

**2. Bài học.**

**a. Mục tiêu**:

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.

**b. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *- Theo em, để tích luỹ tri thức qua việc đọc sách, ta có cần lưu ý đến tốc độ đọc và số lượng sách được đọc không? Vì sao?*  *- GV cho HS xem 3 clip ngắn để*  *+ Nhận xét cách học*  *+ Rút ra bài học cho bản thân*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần tri thức đọc hiểu thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Đọc sau, đọc kĩ  ***- Có kĩ năng đọc nhanh, đọc lướt***  ***- Cần xác định mục tiêu đọc để có cách đọc hiệu quả.*** |

**HĐ 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

*Giáo viên tổ chức trò chơi “Ngôi sao may mắn” qua hệ thống 7 câu hỏi liên quan đến các kiến thức vừa học.*

*HS trả lời ngắn, trả lời đúng được nhận phần thưởng.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV chốt đáp án đúng, đánh giá bài làm của HS bằng điểm số (phần thưởng)

**HĐ 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DUNG.(15’)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

*Có ý kiến cho rằng, hiện nay Công nghệ thông tin phát triển, cả thế giới đều thu gọn trong chiếc máy tính, việc đọc sách vở như trước đây là không cần thiết nữa. Em có đồng ý với ý kiến đó không?*

**Bước2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ để trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS bày tỏ ý kiến cá nhân

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài **Đọc kết nối chủ điểm** *“Tôi đi học”* **. Đọc mở rộng theo thể loại**: “*Đừng từ bỏ cố gắng”.*

**Tiết 77: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: TÔI ĐI HỌC**

**(Thanh Tịnh)**

**- ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: ĐỪNG TỪ BỎ CỐ GẮNG**

**(Theo Trần Thị Cẩm Quyên)**

**1. HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS: ***Em hãy nghe bài hát “Ngày đầu tiên đi học” và chia sẻ cảm nghĩ của em sau khi nghe bài hát này?***

- GV cho HS nghe bài hát “Ngày đầu tiên đi học“

Link: https://youtu.be/hgR9aYNXeJ0

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

*Ngày đầu tiên khai trường, đó là cái ngày mà chắc hẳn không ai trong chúng ta có thể quên được. Cảm giác bỡ ngỡ, rụt rè khi thoát khỏi vòng tay của mẹ và bước qua cổng trường thật lạ kì. Và đặc biệt trong hành trình học tập, mỗi chúng ta cũng cần không ngừng nỗ lực cố gắng trước khó khăn thử thách thì thành công sẽ đến. Đừng từ bỏ cố gắng, đừng chùn bước trước khó khăn..... thông điệp đó sẽ được tái hiện trong 2 văn bản ngày hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu:….*

**2***.***HĐ 2- HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**A. Hướng dẫn học sinh đọc ở nhà.**

**a. Mục tiêu:**

HS biết cách học những nội dung của văn bản ở nhà theo phiếu học tập.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi” theo phiếu học tập.  Nhóm 1+2+3: Trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi văn bản “ **Đọc kết nối chủ điểm**: *‘ Tôi đi học”*  Nhóm: 4+5+6: Trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi văn bản “ **Đọc mở rộng theo thể loại**: *Đừng từ bỏ cố gắng”.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS về nhà đọc văn bản và trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, KL: | **A. Chuẩn bị ở nhà** |

**B. Trình bày sản phẩm ở trên lớp :**

**I. Đọc kết nối chủ điểm**: ***Tôi đi học***

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản.**

**a. Mục tiêu:**

Nhận biết được vài nét về tác giả, tác phẩm, thể loại văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao PHT 1 cho HS tìm hiểu trước ở nhà  Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi hoàn thiện thông tin của PHT -> trình bày    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.  - GV: tác phẩm *Tôi đi học*  ghi lại cảm xúc và những kỷ niệm đẹp, đáng nhớ của tuổi thơ trong ngày tựu trường. | **1. Trải nghiệm cùng văn bản.**  **a.Tác giả**  Trang thơ Thanh Tịnh - Trần Văn Ninh (21 bài thơ)  - Thanh Tịnh ((1911-1988), tên thật là Trần Văn Ninh  - Quê ven sông Hương, ngoại ô Huế  - Là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ.  - Sáng tác của ông toát lên vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo.  - Tác phẩm tiêu biểu: Hậu chiến trường (1937), Quê mẹ (1941)…  **b. Tác phẩm**  \* Đọc – hiểu chú thích  ***\* Xuất xứ: Tôi đi học được in trong tập Quê mẹ (1941),***  ***\* Thể loại: Truyện ngắn***  ***\* PTBĐ: Tự sự, miêu tả, biểu cảm***  \* Bố cục gồm 3 phần:  + Đoạn đầu (từ đầu đến “*trên ngọn núi”*): Tâm trạng nôn nao, háo hức về kỉ niệm ngày tựu trường đầu tiên.  + Đoạn thứ hai (tiếp theo*đến “tôi cũng lấy làm lạ”*): Tâm trạng nhân vật “tôi” và khung cảnh ở sân trường làng trong ngày khai trường.  + Đoạn cuối (phần còn lại): Cảm xúc của nhân vật "tôi" khi bước vào lớp đón nhận giờ học. |

**2. Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Chỉ ra và nêu được tác dụng của phép so sánh khi diễn tả suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi”

- Hiểu được những thay đổi tâm trạng của nhân vật “tôi”

- Giúp HS hiểu ý nghĩa nhan đề và dụng ý lặp cụm từ “ Tôi đi học” ở cuối VB

- Liên hệ, kết nối với văn bản *“Tự học – một thú vui bổ ích”* và *“Bàn về đọc sách”* để hiểu hơn về chủ điểm Hành trình tri thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Xác định và nêu tác dụng của những phép so sánh dùng để diễn tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi”*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm thống nhất ý kiến  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV** gọi đại diện HS của nhóm trả lời câu hỏi.  **HS** lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.  NV2:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Khi vào lớp học tâm trạng của nhân vật “tôi” thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi ấy?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  NV 3:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? “Tôi đi học” vừa là nhan đề, vừa là cụm từ nhà văn dùng để khép lại văn bản. Theo em cụm từ ấy gợi ra ý nghĩa gì?*  *? Trình bày ý kiến của em về mối quan hệ giữa việc đi học - tự học - đọc sách?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  NV 4:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  *+ Văn bản đề cập đến nội dung gì?*  *+ Nghệ thuật văn bản?*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Suy ngẫm và phản hồi**  **a. Cảm xúc suy nghĩ của nhân vật “tôi”**  *- Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.*  -> So sánh cảm xúc khi nhớ về buổi tựu trường – “ cành hoa…đãng” => diễn tả niềm vui, sự náo nức trong tâm hồn của nhân vật “tôi” khi nhớ lại những kí ức mơn man của buổi tựu trường.  *- Ý nghĩ thoáng qua ấy trong trí óc thôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.*  ***=> diễn tả những suy nghĩ thoáng qua mơ hồ đầy non nớt của nhân vật tôi khi lần đầu tiên đi học, với đầy những bỡ ngỡ.***  **b. Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi”**  ***- Không còn bỡ ngỡ, sợ sệt, mà cảm thấy mọi thứ trong lớp học thân quen, quyến luyến.***  - Sự thay đổi tâm trạng ấy là do  + thầy giáo đón tiếp các em HS một cách ân cần, nhiệt tình, cách bài trí lớp học, bàn ghế.  + bạn bè rất ấm áp thân thiện khiến nhân vật “tôi” cảm thấy yên tâm, quyến luyến, quen thuộc.  - Gợi nhắc cột mốc quan trọng của đời người, ngày đầu tiên đi học với sự trân trọng, nâng niu.  - Gợi tới những bước đầu tiên trên cuộc hành trình lĩnh hội tri thức của cuộc đời, thể hiện thái độ trân trọng tri thức, trân trọng việc học tập…  - Kết nối:  ***+ Đi học là quá trình trau dồi kiến ​​thức trau dồi kiến thức, trí tuệ và vận dụng nó vào cuộc sống xã hội.***  ***+ Tự học giúp ta nhớ lâu và bổ sung kiến thức còn thiếu ở nhà trường.***  ***+ Đọc sách nâng cao kiến thức, kỹ năng, phát triển tư duy, rèn luyện nhân cách con người.***    ***e. Tổng kết***  ***\* Nội dung:***  - Truyện kể lại kỷ niệm trong sáng của tuổi học trò trong ngày tựu trường đầu tiên hết sức chân thực, tinh tế qua dòng hồi ức của nhà văn.  \* ***Nghệ thuật:***  - Bố cục theo dòng hồi tưởng, cảm nghĩ của nhân vật tôi theo trình tự thời gian buổi tựu trường.  - Đan xen yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Nghệ thuật so sánh tạo hiệu quả diễn đạt cao, kết hợp các từ láy, tính từ, động từ giàu hình ảnh và sinh động.  - Ngôn ngữ hình ảnh trong sáng, giàu chất thơ, nhẹ nhàng phù hợp với tâm trạng ngây thơ, rụt rè của những đứa trẻ trong buổi tựu trường đầu tiên. |

**II. Đọc mở rộng thể loại: Đừng từ bỏ cố gắng**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản.**

**a. Mục tiêu**

Giúp học sinh biết cách đọc 1 văn bản nghị luận

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu cá nhân HS đọc. (đọc to, diễn cảm)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV hướng dẫn, đọc mẫu, luyện đọc  *? Nêu xuất xứ của VB?*  *? Văn bản thuộc thể loại gì ?*  *? Bố cục ?*  *? Tóm tắt nội dung chính ?*  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS đọc to, diễn cảm văn bản  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. | **1. Trải nghiệm cùng văn bản.**   Văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng* in trong *Văn học và tuổi trẻ*, Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục, Bộ giáo dục và Đào tạo, số tháng 11 – 2021  ***- Thể loại: Nghị luận ( nghị luận về một vấn đề trong đời sống.***  - Bố cục văn bản gồm 3 phần:  + Phần 1 (từ đầu đến “*...mà mình đã chọn.*”): Tác giả dẫn dắt vấn đề, nêu quan điểm của mình về vấn đề "Đừng từ bỏ cố gắng"  + Phần 2 (tiếp đến “*...trưởng thành hơn.*"): Lập luận chứng minh cho quan điểm của mình  + Phần 3 (còn lại): Kết luận về vấn đề nêu ra  - Tóm tắt nội dung chính: Văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng* khuyên mọi người đừng nên nản chí trước thất bại, hãy can đảm đối mặt với khó khăn và đừng bao giờ từ bỏ cố gắng. |

**2. Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được thông tin về thể loại văn nghị luận, đọc văn bản.

- Nắm được đặc điểm, mục đích, tác dụng thể hiện mục đích của văn văn bản *Đừng từ bỏ cố gắng.*

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi: Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *(phần này đã được chuẩn bị bài ở nhà)*  *? Em hãy xác định ý kiến, các lí lẽ và bằng chứng của văn bản "Đừng từ bỏ cố gắng"*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại nhà  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS trình bày sản phẩm đã làm ở nhà trước lớp.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  +*Văn bản NL sử dụng các lí lẽ dẫn chứng cụ thể, rõ ràng*  +*Văn bản đưa đến quan điểm về sự nỗ lực cố gắng trước khó khăn thử thách, con người sẽ thành công.* | **2. Suy ngẫm và phản hồi**  **a. Các yếu tố nghị luận trong VB “Đừng từ bỏ cố gắng”** |

**Vấn đề cần bàn luận:**

***“Đừng từ bỏ cố gắng”***

**Ý kiến: Trong cuộc sống con người luôn phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại; muốn thành công phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình; rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.**

**Lí lẽ + bằng chứng:**

**- Lí lẽ: Thành công bắt đầu từ những khó khăn, thất bại hàng vạn lần. Kiên trì nỗ lực theo đuổi ước mơ sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, trưởng thành hơn.**

**- Bằng chứng:**

**+ Thô-mát Ê-đi-sơn từng bị đánh giá là “dốt đến mức không học được bất cứ thứ gì’, trải qua nhiều thất bại trước khi phát minh ra dây tóc bóng đèn - phát minh mang kỉ nguyên ánh sáng cho nhân loại.**

**+ Ních Vu-chi-xích khiếm khuyết tứ chi có thể lội, lướt ván, trở thành nhà diễn thuyết nổi tiếng, là người truyền cảm hứng cho nhiều người vươn tới cuộc sống không giới hạn.**

|  |  |
| --- | --- |
| **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ 1: VB *Đừng từ bỏ cố gắng* được viết ra nhằm mục đích gì?  - Nhiệm vụ 2: Hoàn thiện bảng bài tập trong SGK trang 17 (thời gian thảo luận 3 phút)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***NV1:*** suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi  ***NV2:*** Thảo luận nhóm (6 nhóm)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  ***\* NV 1:***  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  **HS:**  - HS trình bày ý kiến.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  ***\* NV 2:***  **GV:**  - Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS:**  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức. | **b. Mục đích, đặc điểm của VB nghị luận “Đừng từ bỏ cố gắng” .**  ***Mục đích: thuyết phục người đọc hiểu được trong cuộc sống luôn có những khó khăn, thử thách và thất bại nhưng con người cần phải nỗ lực, có ý chí và niềm tin ắt sẽ thành công.*** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống** | **Biểu hiện trong VB *Đừng từ bỏ cố gắng*** | **Tác dụng trong việc thực hiện mục đích VB** |
| Thể hiện rõ ý khen, chê, đồng tình, phản đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận | *Thể hiện quan điểm đồng tình với vấn đề cần bàn luận* | *Người đọc nhận rõ được những mặt tích cực của vấn đề đặt ra trong bài viết* |
| Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe | *- Lí lẽ: Thành công bắt đầu từ những khó khăn, thất bại hàng vạn lần. Kiên trì nỗ lực theo đuổi ước mơ sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, trưởng thành hơn.*  *- Bằng chứng:*  *+ Thành công của Thô-mát Ê-đi-sơn*  *+ Sự nỗ lực hết mình của Ních Vu-chi-xích, một người sinh ra bị khiếm khuyết tứ chi* | *Các lí lẽ, bằng chứng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, giúp củng cố ý kiến, tăng tính thuyết phục cho VB* |
| Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí | *Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí* | *Bài nghị luận khoa học, chặt chẽ.* |

**HĐ 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** “Ai là triệu phú” qua hệ thống câu hỏi:

**Câu 1:** Quê hương của Thanh Tịnh là ở đâu?

**A**. Ven sông Hương, thành phố Huế

B. Ven sông Hồng, thành phố Hà Nội

C. Ven sông Đuống, Gia Lâm (Hà Nội)

D. Một tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ

**Câu 2:** “Tôi đi học” của Thanh Tịnh được viết theo thể loại nào?

A. Bút kí

**B**. Truyện ngắn trữ tình

C. Tiểu thuyết

D. Tuỳ bút

**Câu 3:** Các phương thức biểu đạt được tác giả Thanh Tịnh sử dụng trong văn bản "Tôi đi học”?

A. Tự sự

B. Miêu tả, tự sự

C. Biểu cảm, miêu tả

**D.** Tự sự, miêu tả, biểu cảm

**Câu 4:** Nhân vật chính trong văn bản" Tôi đi học” là ai?

A. Người mẹ

B. Người thầy giáo

C. Ông đốc

**D.** Nhân vật “tôi”

**Câu 5:** Nhân vật chính trong văn bản" Tôi đi học" được miêu tả chủ yếu ở phương diện nào?

A. Ngoại hình

B. Tính cách

**C.** Tâm trạng

D. Hành động

**Câu 6:** Câu văn nào không sử dụng biện pháp so sánh để nói lên tâm trạng của nhân vật “tôi”?

A. “Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”.

B. “Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập”.

C. “Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi”.

D. “Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ”.

**Câu 7:** Câu văn "Tôi bặm tay ghi thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất" trong văn bản “Tôi đi học” của Thanh Tịnh cho ta hiểu điều gì?

A. Cậu bé chưa quen với việc cầm vở.

B. Cậu bé chưa tập trung vào việc.

C. Cậu bé quá hồi hộp.

D. Cậu bé thấy không đủ sức giữ vở.

**Câu 8:** Hình ảnh "bàn tay" trong hai câu văn: "Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước...Một bàn tay quan nhẹ vuốt mái tóc tôi" nhằm diễn tả ý gì?

A. Sự âu yếm của mẹ hiền.

B. Sự săn sóc của mẹ hiền.

**C.** Tấm lòng mẹ hiền bao la săn sóc, âu yếm, chở che, nâng đỡ và thương yêu đối với con thơ.

D. Tình thương con bao la của mẹ hiền.

**Câu 9:** Ý nào nói đúng nhất tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: “Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy, nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”?

A. Tô đậm cảm giác trong trẻo, tươi sáng của nhân vật “tôi” ngay trong ngày đến trường đầu tiên.

B. Nói lên nỗi nhớ thường trực của nhân vật “ tôi” về ngày đến trường đầu tiên.

**C.** Cho người được thấy được những kỉ niệm trong buổi sáng đến trường đầu tiên luôn được in đậm trong tâm trí nhân vật “tôi”.

D. Tô đậm vẻ đẹp của những cành hoa tươi nở giữa bầu trời quang đãng.

**Câu 10:** Chất thơ trong sáng, nhẹ nhàng và rung động và thấm thía của truyện "Tôi đi học" được thể hiện qua phương thức biểu đạt nào?

**A. Biểu cảm.**

B. Tự sự.

C. Thuyết minh.

D. Miêu tả.

**Câu 11:** Văn nghị luận là loại văn bản có mục đích nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về ...

*TL: Một vấn đề*

**Câu 12**: Trong văn nghị luận, người viết trình bày ... về một ... mà mình quan tâm, sử dụng lí lẽ .... để củng cố cho ý kiến của mình.

*TL: ý kiến – vấn đề – bằng chứng*

**Câu 13:** Lí lẽ: Cơ sở cho ý kiến, .... của ....

*TL: Quan điểm – người viết*

**Câu 14:** Bằng chứng: những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là ...... , ........ , ....... từ thực tế.

*TL: nhân vật – sự kiện – số liệu*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc câu hỏi và lựa chọn đáp án

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**H Đ 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (Về nhà)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ: *Cuộc đời của mỗi chúng ta có thể ví như một hành trình tri thức, một hành trình gian nan, khó khăn đầy thử thách nhưng cũng đầy ắp những điều lí thú mở ra trước mắt. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một phép liên kết.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “ Thực hành Tiếng Việt”

**TIẾT 78+79: TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

**LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN: ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh huy động những kiến thức đã học ở các bài trước kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Giải ô chữ”

***Luật chơi:***

Ô chữ có 7 từ hàng ngang. HS trả lời các câu hỏi để mở từ hàng ngang. Trả lời được các từ hàng ngang sẽ tìm được từ khóa.



Ô từ khoá: có 07 chữ cái

Hàng ngang 1 (08 chữ cái) : Thể loại của văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích” là gì

Hàng ngang 2 (08 chữ cái) : Tên 1 tác phẩm của nhà văn Thanh Tịnh mà các em đã được học?

Hàng ngang 3 (12 chữ cái) : Tên tác giả của văn bản “Bàn về đọc sách”?

Hàng ngang 4 (07 chữ cái): Văn bản “Tôi đi học” sử dụng ngôi thứ mấy?

##### Hàng ngang 5 (07 chữ cái) : Đây là nghĩa của từ nào “Đặc điểm về mặt cường độ, nhịp độ các hoạt động tâm lí của cá nhân”?

##### Hàng ngang 6 ( chữ cái) : Tác giả của văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích” là ai?

##### Hàng ngang 7 (09 chữ cái) : Tác giả của văn bản “Tôi đi học” là ai?

**Ô từ khoá: LIÊN KẾT**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh chơi trò chơi “Giải ô chữ”.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

*Bằng việc trả lời các câu hỏi từ hàng ngang, các em vừa nhắc lại những kiến thức liên quan đến 3 văn bản mà chúng ta đã học và tìm được từ khóa “LIÊN KẾT”. Vậy liên kết trong văn bản có đặc điểm và chức năng gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.*

**HĐ 2- HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt: Liên kết trong văn bản: đặc điểm và chức năng.**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết được phép liên kết, tác dụng của liên kết

- Nhận biết và xác định được 4 phép liên kết: Phép lặp từ ngữ, phép thế, phép nối, phép liên tưởng

- Phân biệt được liên kết câu và liên kết đoạn

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ:**  ? Hoàn thành phiếu học tập số 1.  Đọc ví dụ và hoàn thành các câu hỏi   |  |  | | --- | --- | | VD: (1) Hơn nữa, tự học quả là một phương thuốc trị bệnh âu sầu. (2) Theo bác sĩ E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những bệnh nhân nào biết đọc sách cũng mau khỏe mạnh hơn những bệnh nhân khác. (3) Nhiều bác sĩ Anh và Pháp, sau lời tuyên bố đó, làm những bảng thống kê các bệnh nhân trong các bệnh viện và thừa nhận ông E.Gờ-ron-nơ-veo có lí.  *(Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích)* | | | Câu hỏi | Trả lời | | (1) Qua đoạn văn này, tác giả Nguyễn Hiến Lê đã nêu ý kiến gì? |  | | (2) Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các câu trong đoạn |  | | (3) Các câu trong đoạn liên kết với nhau như thế nào? |  | | (4) Qua việc phân tích VD trên, em hãy nêu đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết? |  |   *? Qua tìm hiểu phiếu học tập trên, em hiểu thế nào là liên kết ? Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết:*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần kiến thức ngữ văn để trả lời câu hỏi  - Xen lại phiếu học tập số 1 (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày phiếu học tập của mình.  - HS khác nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt: Liên kết trong văn bản: đặc điểm và chức năng.**  **1. Đặc điểm và chức năng**   |  |  | | --- | --- | | (1) Qua đoạn văn này, tác giả Nguyễn Hiến Lê đã nêu ý kiến gì? | Ý kiến: Thú tự học là phương thức chữa bệnh âu sầu | | (2) Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa các câu trong đoạn | Câu (1) nêu ý kiến, câu (2) nêu lí lẽ, câu (3) nêu dẫn chứng để làm rõ cho ý kiến nêu ở câu (1) | | (3) Các câu trong đoạn liên kết với nhau như thế nào? | Các từ “Phương thuốc trị bệnh âu sầu”; “bác sĩ”; “bệnh nhân”; “khỏe mạnh” đều cùng trường liên tưởng “khám chữa bệnh” -> Phép liên tưởng. | | (4) Qua việc phân tích VD trên, em hãy nêu đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết? | - Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết:  + Nội dung các câu các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  + Các câu các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết phù hợp. |   ***- Liên kết là 1 trong những tính chất quan trọng của văn bản, có tác dụng làm cho văn bản trở lên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức.***  ***- Đặc điểm của 1 văn bản có tính liên kết:***  ***+ Nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.***  ***+ Các câu, các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết phù hợp.*** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV2:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ: GV Y/C HS chia 3 nhóm thảo luận**  để hoàn thành phiếu học tập số 2.  Nối ví dụ ở cột A với nội dung ở cột B, C để tạo thành các kết luận đúng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Cột A | Cột B | Cột C | Nối | | Ví dụ | Phép liên kết | Nội dung | | (I) Khi đọc ***sách***, ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của người viết nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trên thế giới này. Bất kì ta ở 1 tình thế khắt khe, chua chát nào, mở ***sách*** ra là ta cũng gặp người đồng cảnh hay đồng bệnh mà đọc họ ta thấy ấm áp lại trong lòng  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (1) Phép thế | (a) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước |  | | (II) ***Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay*** đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. ***Các thành quả đó*** sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (2) Phép lặp từ ngữ | (b) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước |  | | (III) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là 1 con đường quan trọng của học vấn. ***Bởi vì*** học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (3) Phép liên tưởng | (c) Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước. |  | | (IV) Hơn nữa, tự học quả là một ***phương thuốc trị bệnh âu sầu***. Theo ***bác sĩ*** E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những ***bệnh nhân*** nào biết đọc sách cũng mau ***khỏe mạnh*** hơn những bệnh nhân khác.  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (4) Phép nối | (d) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. |  |   *? Qua phân tích ví dụ, em hãy kể tên các phép liên kết thường gặp ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần kiến thức ngữ văn để trả lời câu hỏi  - Trình bày phiếu học tập (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày phiếu học tập số 2  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức (4 phép liên kết thường dùng) | **2. Một số phép liên kết thường dùng** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cột A | Cột B | Cột C | Nối |
| Ví dụ | Phép liên kết | Nội dung |
| (I) Khi đọc ***sách***, ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của người viết nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trên thế giới này. Bất kì ta ở 1 tình thế khắt khe, chua chát nào, mở ***sách*** ra là ta cũng gặp người đồng cảnh hay đồng bệnh mà đọc họ ta thấy ấm áp lại trong lòng  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (1) Phép thế | (a) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước | I-2-c |
| (II) ***Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay*** đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. ***Các thành quả đó*** sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (2) Phép lặp từ ngữ | (b) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước | II-1-d |
| (III) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là 1 con đường quan trọng của học vấn. ***Bởi vì*** học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.  (Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách) | (3) Phép liên tưởng | (c) Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước. | III-4-b |
| (IV) Hơn nữa, tự học quả là một ***phương thuốc trị bệnh âu sầu***. Theo ***bác sĩ*** E.Gờ-ron-nơ-veo (E. Groenevelt), người Hà Lan, những ***bệnh nhân*** nào biết đọc sách cũng mau ***khỏe mạnh*** hơn những bệnh nhân khác.  (Nguyễn Hiến Lê, Tự học – một thú vui bổ ích) | (4) Phép nối | (d) Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. | IV-3-a |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ:**  ? Hoàn thành phiếu học tập số 3.  Đọc lại văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” và trả lời các câu hỏi sau:   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi | Trả lời | | (1) Chỉ ra các từ ngữ dùng để liên kết các đoạn trong văn bản |  | | (2) Em hãy cho biết đó là phép liên kết nào? |  | | (3) Phép liên kết này có gì khác với các phép liên kết được sử dụng trong các ví dụ của phiếu học tập 1, 2. |  |   *? Qua phân tích phiếu học tập, em hãy phân biệt phép liên kết ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc lại văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích”  - Trình bày phiếu học tập (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày phiếu học tập số 3  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức | ***Các phép liên kết thường dùng:***  ***+ Phép lặp từ ngữ: lặp ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước.***  ***+ Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.***  ***+ Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.***  ***+ Phép liên tưởng: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.***  **3. Phân biệt phép liên kết**   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi | Trả lời | | (1) Chỉ ra các từ ngữ dùng để liên kết các đoạn trong văn bản | Trước hết (đoạn 2) – Hơn nữa (đoạn 4)  Tự học (Đoạn 1 -2-4-5) | | (2) Em hãy cho biết đó là phép liên kết nào? | Phép nối  Phép lặp | | (3) Phép liên kết này có gì khác với các phép liên kết được sử dụng trong các ví dụ của phiếu học tập 1, 2. | -> Liên kết đoạn |   ***+ Liên kết câu (VD ở phiếu học tập 1,2)***  ***+ Liên kết đoạn (Liên kết giữa các đoạn trong văn bản “Tự học – Một thú vui bổ ích”)***  *\* Lưu ý :*  Phép liên kết câu phải được thực hiện ít nhất ở hai câu. Trong một câu thì không gọi là phép liên kết mặc dù vẫn có tác dụng liên kết. |

**HĐ 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**II. Thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành làm bài tập để hiểu và khắc sâu những kiến thức về liên kết trong văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Hướng dẫn HS làm các bài tập phần “Thực hành TV” (SGK/14-15)**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:  **Nhiệm vụ**: GV chia lớp thành 5 nhóm và yêu cầu các nhóm làm các bài tập  - Nhóm 1: Bài tập 1 (SGK/14)  - Nhóm 2: Bài tập 2 (SGK/14)  - Nhóm 1: Bài tập 3 (SGK/15)  - Nhóm 1: Bài tập 4 (SGK/15)  - Nhóm 1: Bài tập 5 (SGK/15)  **VÒNG 2:** Nhóm mảnh ghép: Tạo nhóm mới (HS trong từng nhóm đếm số từ 1 đến 5, HS số 1 của các nhóm vào nhóm A, HS số 2 của các nhóm vào nhóm B, HS số 3 của các nhóm vào nhóm C, HS số 4 của các nhóm vào nhóm D, HS số 5 của các nhóm vào nhóm E) và thực hiện nhiệm vụ mới (Trả lời câu hỏi):  ? Khái quát nội dung liên kết văn bản bằng 1 sơ đồ tư duy?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập(17p)**  ***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia: (***7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (15 phút)***  **HS**:  - 5 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 10 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện 1 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 1 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định 5p**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. | **Bài tập 1 (SGK/14)**  ***Phép lặp từ ngữ trong các đoạn trích***  ***a. tự học***  ***b. sách***  ***c. tôi nhìn, tôi.***  **Bài tập 2 (SGK/14)**  ***Phép thế trong những đoạn trích***  ***a. “Nó” thay thế cho “sách”***  ***b. “Con đường này” thay thế cho “con đường làng dài và hẹp”***  ***c. “Họ” thay thế cho “mấy cậu học trò mới”***  **Bài tập 3 (SGK/15)**  ***Phép nối trong các đoạn trích:***  ***a. Nhưng***  ***b. Một là …. Hai là ….***  **Bài tập 4 (SGK/15)**  ***Phép liên tưởng trong đoạn trích:***  ***a. lớp, hình gì treo trên tường, bàn ghế (trường liên tưởng: lớp học)***  ***b. chán đời, nỗi đau khổ (trường liên tưởng: Bệnh âu sầu)***  ***c. kẻ giẫm lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ - kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai của mình (trường liên tưởng: quan điểm về kẻ mạnh)***  **Bài tập 5 (SGK/15)**  ***Phép nối: Trước hết…. Hơn nữa ….***  ***Phép lặp: tự học***  ***=> Liên kết câu và liên kết đoạn văn*** |

**HĐ 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

HS vận dụng những kiến thức đã học để viết đoạn văn có sử dụng các phép liên kết.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Em hãy viết 1 đoạn văn khoảng 200 chữ nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của học sinh hiện nay. Chỉ ra các phép liên kết mà em đã sử dụng trong đoạn

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (Về nhà)**

**-** GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ (Báo cáo bài viết vào tiết văn sau).

**-** HS làm việc cá nhân và viết đoạn văn vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận (Tiết sau)**

**GV**:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

**HS**:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm.

**\* Hướng dẫn học ở nhà**:

- Tìm hiểu phần viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống

**Tiết 80+81: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” ***Mỗi hình ảnh tương ứng với một hiện tượng đời sống, em hãy gọi tên hiện tượng đó?***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS chia sẻ

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Có nhiều vấn đề của cuộc sống luôn được đặt ra cho chúng ta, đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ để đưa ra quan điểm của mình, để thuyết phục người khác về một vấn đề trong đời sống. Trước vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên những suy nghĩ, nhận xét; đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết cách để trình bày ý kiến một cách rõ ràng, mạch lạc thuyết phục.

**HĐ 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm, đặc điểm, bố cục của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống..

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *1- Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống là gì?*  *2- Trình bày yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống?*  *3- Trình bày bố cục của bài văn nghị luận về 1 vấn đề đời sống?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1- Khái niệm:** ***Bài văn NL về 1 vấn đề trong đời sống thuộc thể NLXH. Trong đó, người viết đưa ra ‎ kiến của mình về một vấn đề gợi ra từ các hiện tượng, sự việc trong đời sống, hoặc một vấn đề thuộc về lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.***  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**  ***- Nêu được vấn đề cần bàn luận.***  ***- Trình bày được ý‎ kiến tán thành, phản đối của người viết với vấn đề cần bàn luận.***  ***- Đưa ra lí lẽ, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ‎ý kiến.***  **3. Bố cục bài viết cần đảm bảo**  ***Mở bài:*** *giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện rõ ràng ‎ kiến của người viết về vấn đề ấy.*  ***Thân bài:*** *giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí, đưa ra được bằng chứng đa dạng cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ, xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện.*  ***Kết bài:*** *khẳng định lại ‎ kiến và đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động.* |

**Hoạt động 2: II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản.**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - GV giới thiệu: VB. Cho HS đọc to VB, cả lớp cùng theo dõi  - GV chia nhóm yêu cầu HS thảo luận (Thời gian 15 phút theo nhóm)  *Nhóm 1,2: Câu 1, 2, 3*  *Nhóm 3,4: Câu 4, 5, 6, 7*  *1- Theo em, tác giả viết bài viết này nhằm mục đích gì?*  *2- Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đây là bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống?*  *3- Bài viết đã đưa ra y kiến bằng chứng nào về sự tha thứ*  *4- Xác định đoạn văn có chức năng giải thích và đoạn văn có chức năng bổ sung, xem xét vấn đề từ nhiều khía cạnh.*  *5- Ở phần kết bài, tác giả đã đề xuất giải pháp gì ? Theo em đề xuất ấy có hợp lí, khả thi không?*  *6- Từ bài viết trên, em rút ra bài học gì về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  + HS thảo luận theo nhóm.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, nhiệm vụ.**  + GV gọi đai diện 01 nhóm lên thuyết trình.  + Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**\*** Văn bản mẫu: Ý nghĩa của sự tha thứ.

1. Mục đích: Thuyết phục người đọc về tầm quan trọng của sự tha thứ trong cuộc sống.

2. Những dấu hiệu:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống*** | ***Biểu hiện trong bài văn: Ý nghĩa của sự tha thứ.*** |
| Nêu được vấn đề cần bàn luận. | Mở bài, tác giả nêu: *Từ đó, ta thấy được vai trò thiết yếu của sự tha thứ trong đời sống con người.* |
| Trình bày được ý‎ kiến tán thành, phản đối của người viết với vấn đề cần bàn luận. | Câu văn thể hiện ý kiến của người viết: *Thật vậy, sự tha thứ là món quà quý giá mà chúng ta tặng cho người khác và chính mình*-> Quan điểm đề cao vai trò của sự tha thứ. |
| Đưa ra lí lẽ, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ‎ý kiến. | Bài văn đưa ra hai lí lẽ và hai bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của tác giả về tầm quan trọng của sự tha thứ. |

3. Các ý kiến, kí lẽ, bằng chứng mà bài viết đưa ra về sự tha thứ.

Lí lẽ 2: Sự tha thứ giúp ta buông bỏ thù hận, sự cố chấp và ddingj kiến để tìm thấy sự bình an, thanh thản.

Bằng chứng: Nghiên cứu của bác sĩ Ca-ren Xơ-goát

**Lí lẽ 1:** Sự tha thứ tạo cơ hội cho con người sửa chữa lỗi lầm.

**Bằng chứng:** Phong trào viết thư xin lỗi tại trại giam Gia Trung

**Ý kiến**

Sự tha thứ là món quà quý giá mà chúng ta tặng cho người khác và chính mình

VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN: SỰ THA THỨ

4. Đoạn văn có chức năng giải thích: *Tha thứ chính là...sửa sai.*

Đoạn văn có chức năng bổ sung, xem xét vấn đề từ nhiều khía cạnh: *Tuy thế...quá khứ.*

*5-* Đề xuất giải pháp lan tỏa sự tha thứ:

+ Đặt mình vào vị trí của người khác để cố gắng hiểu nguyên nhân, hoàn cảnh dẫ đến họ sai lầm;

+ Viết thư cho người từng mắc lỗi để thể hiện sự tha thứ và tình yêu thương

-> Giải pháp hợp lí, khả thi bởi mọi người đều có khả năng thực hiện và giúp lan tỏa sự tha thứ trong cuộc sống.

6- Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống cần đưa ra những ý kiến, lí lẽ hợp lí, bên cạnh đó là bằng chứng rõ ràng, xác thực, đa dạng; các lí lẽ bằng chứng cần được sắp xếp theo một trình tự hợp lí để thể hiện rõ quan điểm tán thành hay phản đối của người viết .

**Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết.**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập.**  GV Yêu cầu hs đọc lướt 4 bước tạo lập vb trong SGK/114-117 điền vào phiếu học tập.   |  |  | | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết | **Xác định mục đích, người đọc**  **….** | | **Xác định đề tài**  **…** | | **Thu thập tư liệu**  **…** | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | **Tìm ý**  **…** | | **Lập dàn ý**  **…** | | Bước 2: Viết bài | **Viết bài văn hoàn chỉnh**  **…** | | Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | **Xem lại và chỉnh sửa**  **…** | | **Rút kinh nghiệm**  **…** |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4 HS  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Đại diện 1-2 nhóm HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại các ý về: Tác dụng của từng bước: B1: giúp xác định rõ yêu cầu, đối tượng, mục đích giao tiếp, phạm vi tư liệu cần tìm; Bước 2: giúp người viết phác thảo nội dung, lập dàn ý để đảm bảo bài viết không bị sót ý; Bước 3: triển khai các ý được đầy đủ dựa trên dàn ý; Bước 4: giúp kiểm soát bài viết, điều chỉnh để bài viết hoàn chỉnh hơn. | |  |  | | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết | **Xác định mục đích, người đọc**  Trả lời câu hỏi: vb này viết ra nhằm mđ gì? | | **Xác định đề tài**  Chọn đề tài muốn viết là 1 vđ trong đ/s mà em quan tâm. | | **Thu thập tư liệu**  ỏ các nguồn khác nhau có lên quan đến vđ bàn luận. | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | **Tìm ý**  Thu thập tư liệu liên quan đến vđ bàn luận | | **Lập dàn ý**  Từ cá ý tìm được chọn lọc và sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí. | | Bước 2: Viết bài | **Viết bài văn hoàn chỉnh**  Từ dàn ý đã lập, viết bài văn hoàn chỉnh. | | Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | **Xem lại và chỉnh sửa**  Đọc lại bài viết và chỉnh sửa các lỗi sai | | **Rút kinh nghiệm**  Ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nl về 1 vđ trong đ/s | |

**HĐ 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:

- Xác định được mục đích, đối tượng và đề tài.

- Biết cách tìm ý, lập dàn ý cho bài viết.

- Viết được đoạn văn.

- Biết chỉnh sửa và rút kinh nghiệm sau khi viết đoạn văn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập.**  - Gv y/c hs đọc đề trong SGK, sau đó thực hiện các nhiệm vụ:  *? Với đề bài này, em sẽ viết bài văn cho ai đọc, nhằm mục đích gì? Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định chọn cách viết ntn?*  *? Em chọn viết đề tài gì? Thu thập nguồn tư liệu ở đâu?*  - Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 3 nhóm, giao cho mỗi nhóm 1 nhiệm vụ: Các nhóm sẽ tìm những vấn đề được giao trong phiếu số 1  20220402_155105  - GV sử dụng giấy A4 cho mỗi nhóm, dán tờ phiếu của mỗi nhóm lên bảng, phát cho mỗi HS 1 tờ giấy nhớ, HS sẽ chọn đề tài tương ứng của nhóm mình được giao, sau khi hoàn thành dán lên phần giấy của nhóm.  - GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới)  - Nhiệm vụ 2: GV phát cho Hs phiếu học tập số 2 để HS điền thông tin theo gợi ý:    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS thực hiện NV1 xong, sau thực hiện NV 2  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - Đánh giá, nhận xét.  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập.**  GV nêu câu hỏi:  - Cần hiểu như thế nào về vấn đề này? Nó có nghĩa là gì? Vấn đề này được biểu hiện như thế nào?   * Những khía cạnh cần bàn bạc? có mặt nào đúng, mặt nào chưa đúng? Lấy dẫn chứng nào để khẳng định? Làm thế nào để giải quyết vấn đề đó?... * Bài học rút ra từ vấn đề?... * GV sử dụng sơ đồ tư duy cho HS điền vào     **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh đọc sgk, dựa vào câu hỏi gợi dẫn của GV trả lời để tìm cho đề bài mình chọn  **Bước 3: Trao đổi thảo luận:**  GV kiểm tra bài của 1 số học sinh  **Bước 4: Kết luận nhận định:**  GV khái quát lại cách tìm‎:Đặt các câu hỏi để tìm y cho bài viết, càng nhiều câu hỏi thì bài viết càng phong phú, sâu sắc.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  GV HD học sinh từ các ý ‎ đã tìm được sắp xếp vào dàn ‎bài theo mẫu trong sgk.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ: HS viết ra giấy phần tìm ý, lập dàn ý đề tài đã chọn.Trao đổi với bạn  + GV quan sát hỗ trợ khi cần thiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày ý tưởng, GV chụp, chiếu một vài dàn bài của HS lên bảng. HS khác và GV nhận xét, bổ sung  + HS chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dàn ý của mình  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo nội dung hướng dẫn trong sgk.  - Gv trình chiếu dàn ý tham khảo.  Dàn ý nghị luận về bạo lực học đường  **a) Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận:  - Học sinh sinh viên là thời đẹp nhất trong cuộc đời mỗi chúng ta.  - Thế nhưng hiện nay, sự trong sáng, tươi đẹp hồn nhiên của thế hệ học sinh không còn nữa. Thay vào đó là những lời nói và hành động thô bạo, bậy bạ, thậm chí những đứa trẻ này còn đánh nhau, chúng xé áo, đánh bạn giữa đường.  - Tình trạng bạo lực học đường diễn ra phổ biến, tràn lan được lan rộng trên Internet, chúng ta cùng đi tìm hiểu tình trạng này.  **b) Thân bài**  \* Thế nào là bạo lực học đường?  - Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.  - Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.  - Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.  \* Hiện trạng của bạo lực học đường hiện nay  - Hình thức:  Xúc phạm, lăng mạ, sỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.  Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.  - Thực tế chứng minh:  Chỉ cần một thao tác rất nhanh trên Google ta có thể tìm thấy hàng loạt các clip bạo lực của nữ sinh: nữ sinh Hưng Yên bị bạo hành, thêm một vụ bạo lực học đường vừa xảy ra ở Quảng Ninh...  Học sinh có thái độ không đúng mực với thầy cô giáo, dùng dao đâm bạn bè, thầy cô…  Lập nên các nhóm hội hoạt động đánh nhau có tổ chức.  Giáo viên đánh đập, xúc phạm tới nhân phẩm của học sinh…  \* Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng bạo lực học đường  - Do ảnh hưởng của môi trường bạo lực, thiếu văn hóa.  - Chưa có sự quan tâm từ gia đình.  - Không có sự giáo dục đúng đắn của nhà trường.  - Xã hội dửng dưng trước những hành động bạo lực.  - Sự phát triển chưa toàn diện của học sinh.  \* Hậu quả của bạo lực học đường  - Với người bị bạo lực:  Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất.  Làm cho gia đình họ bị đau thương.  Làm cho xã hội nghị luận, tranh cãi.  - Với người gây ra bạo lực:  Phát triển không toàn diện.  Mọi người, xã hội chê trách.  Ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống hiện tại và tương lai, sự nghiệp bị mất.  \* Giải pháp khắc phục nạn bạo lực học đường  - Nhà trường cần nâng cao tầm quan trọng trong việc dạy bảo học sinh hiệu quả nhất, luôn quan sát, quan tâm về cả bên ngoài lẫn nhận thức của các em trong các vấn đề.  - Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái nhiều hơn.  - Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng này.  c) Kết bài  Nêu cảm nghĩ của em về nạn bạo lực học đường.  - Đây là một hành vi không tốt.  -  Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này?  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:** GV cho HS viết theo các yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề mà em quan tâm, và dựa vào dàn ý đã lập để viết phần mở bài tại lớp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS viết mở bài tại lớp.  - Viết các phần còn lại tại nhà.  **Bước 3: HS báo cáo kết, thảo luận.**  HS báo cáo kết quả tiết học sau  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với bài văn theo bảng kiểm sgk  Chú ý: Các câu chuyển ý, chuyển đoạn, dẫn chứng chính xác, tiêu biểu, diễn đạt mạch lạc, rõ ràng.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS sau khi viết bài ở nhà:  - Sử dụng bảng kiểm trong sgk để tự kiểm tra, sửa chữa, điều chỉnh bài viết ( theo mẫu phiếu học tập số 3)  - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau ( sử dụng bảng kiểm) ( phiếu học tập số 3) ( HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **Bước 3: HS báo cáo, thảo luận.**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  + Các nhóm nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  + HS sửa bài viết cho bạn để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  + tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (Theo bảng)  GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp. | **1. Chuẩn bị trước khi viết**  - Mục đích viết bài này là gì? Người đọc là ai?  => Nội dung, cách viết sẽ như thế nào?  **- Xác định đề tài:**  *+ Sức mạnh của tình yêu thương.*  *+ Vai trò của việc tự học.*  *+ Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh.*  *+ Bạo lực học đường.*  *+ Bàn về câu tục ngữ Uống nước nhớ nguồn.*  *+ Trình bày ý kiến về câu nói của Lê-nin (Lenin): Học, học nữa, học mãi.*  *………………..*  **- Thu thập tư liệu:**  + Kiến thức thực tế,  + Từ người thân, bạn bè…  + Internet, sách báo…  **2. Tìm ý.**  *- Ý nghĩa của vấn đề*  *- Ý kiến, thái độ của em về vấn đề đó (đúng/sai; lợi/ hại; cần thiết/ không cần thiết; tích cực/ tiêu cực)*  *- Các khía cạnh cần bàn:*  *+ Lí lẽ để bàn luận vấn đề:*  *+ Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng*  *- Mở rộng vấn đề/ Tìm ra nguyên nhân*  *- Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực)*  *- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi*  - HS có thể tìm ý theo sơ ssoof SGK  **2. Lập dàn ý** **Dàn ý bài văn nghị luận về câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.** **a. Mở bài:**Giới thiệu vấn đề cần chứng minh.  **b. Thân bài**  \* Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ  - "Uống nước" ở đây nghĩa là gì?  + Nghĩa đen: Hành động sử dụng dòng nước có sẵn, khi uống nó ta hãy nghĩ đến từ đâu đã tạo ra nguồn nước mà ta đang uống.  + Nghĩa bóng: Hưởng thụ và sử dụng thành quả của người khác để lại.  - "Nguồn" ở đây cũng có hai lớp nghĩa:  + Nghĩa đen: Đây là nguồn gốc, cội nguồn của dòng nước.  + Nghĩa bóng: Là nơi đã tạo ra, đã để lại những thành quả mà người khác đang thừa hưởng.  → Ý nghĩa: Câu tục ngữ là lời nhắn nhủ của cha ông ta đến các thế hệ "Hãy luôn biết ơn và đền đáp những người đã có công giúp đỡ mình, không được "qua cầu rút ván" hay "ăn cháo đá bát".  \* Bàn luận (Chứng minh): Tại sao ta phải uống nước nhớ nguồn?  - Vì đó là hành động đẹp, một nghĩa cử đẹp mà cha ông ta đã đúc kết lại qua bao đời nay nên chúng ta cần trân trọng, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp truyền thống đó.  - Biểu hiện:  + Ghi nhớ công ơn sinh thành và nuôi dưỡng của người đã sinh ra mình (tục lệ thờ cúng tổ tiên, ngày lễ, Tết,...)  + Ghi nhớ công ơn dạy dỗ của thầy cô (chúc mừng ngày 20/11,...)  + Nhớ ơn những thế hệ đi trước đã bỏ công sức và trí tuệ làm cho đất nước phát triển như ngày hôm nay (ngày 27/7 tri ân các anh hùng liệt sĩ,...)  *\* Lật lại vấn đề*  - Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn, ý thức giữ gìn, bảo vệ và phát huy nét đẹp văn hóa bản sắc dân tộc.  - Lên án những người có suy nghĩ, tư tưởng phá hoại những nét đẹp truyền thống đó.  **c. Kết bài**  - Khẳng định lại ý nghĩa của câu tục ngữ.  - Nêu bài học cho bản thân.  **3. Viết bài.**  \* Mở bài: Chọn một trong hai cách:  + Trực tiếp: Nêu thẳng vấn đề cần nghị luận  + Gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện để giới thiệu vấn đề   * \* Thân bài: - Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể. * - Thể hiện rõ quan điểm của người viết.   - Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp  **4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**  \* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết theo bảng kiểm gợi ý  \* HS chữa bài cho nhau |

**HD 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng quy trình viết vài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống để tạo lập văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập.**

**Đề bài:** Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội đến học sinh.

*NV1:* (Thực hiện trên lớp) GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho đề bài theo các bước đã được học.

- Xác định kiểu bài? vấn đề cần bàn là gì?

- Phần tìm ý em sẽ thực hiện những nội dung gì?

- Lập dàn ý cho đề văn trên.

NV2: (Về nhà)Dựa vào phần dàn ý hoàn thành bài viết và sẽ trình bày trước lớp trong tiết nói và nghe: Trình bày ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia ý kiến để xác định yêu cầu của đề, tìm ý, lập dàn ý (trên lớp)

HS viết bài văn (về nhà)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên

**B4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS

***Dự kiến sản phẩm:***

1. Mở bài

– Giới thiệu khái quát về Internet

– Dẫn dắt vào vấn đề tác động của internet

2. Thân bài

a. Tác động tích cực của internet

– Đối với cuộc sống

+ Internet là kênh thông tin khổng lồ, từ điển bách khoa đồ sộ, là thế giới tri thức phong phú, đa dạng, cập nhật.

+ Internet là phương tiện trao đổi, giao lưu, giải trí giữa mọi người trên toàn thế giới.

+ Internet có mặt trong mọi mặt đời sống như kinh tế – chính trị, văn hóa – xã hội, góp phần không nhỏ cho sự phát triển của các ngành kinh tế.

– Đối với con người đặc biệt là với học sinh

+ Tiếp cận với nguồn tri thức khổng lồ

+ Học tập qua mạng, chủ động tìm kiếm những phương pháp học tập hay, mới lạ.

+ Là sân chơi bổ ích, giải trí đa màu sắc

+ Cập nhật tình hình trong nước và trên thế giới mọi lúc mọi nơi

b. Tác động tiêu cực của internet

– Đối với cuộc sống

+ Nguồn thông tin chưa được kiểm chứng, xác thực một cách chặt chẽ

+ Chứa nhiều tin xấu, bạo động, lừa đảo

+ Lạm dụng internet dẫn đến hao tốn thời gian, sức khỏe và tiền bạc

– Đối với con người, thanh niên, học sinh

+ Tình trạng nghiện internet, nghiện các trò chơi điện tử bỏ bê học hành

+ Lạm dụng, sử dụng không đúng mục đích các nền tảng mạng xã hội

+ Dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, chia sẻ thông tin sai lệch trên mạng xã hội

c. Giải pháp

– Sử dụng internet đúng cách, đúng mục đích

– Sử dụng internet một cách văn hóa, có chọn lọc và kiểm duyệt

– Hạn chế để lộ thông tin cá nhân trên mạng internet

3. Kết bài: - Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

- Bài học nhận thức và hành động

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài: nói và nghe: Trình bày ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống.

**Tiết 82,83: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao phiếu học tập hs thảo luận nhóm đôi.

|  |  |
| --- | --- |
| Yếu tố | Đặc điểm bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống |
| Đề tài | …………. |
| Mục đích viết | …………. |
| Ý kiến | …………. |
| Lí lẽ | …………. |
| Bằng chứng | …………. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày

- HS khác nhận xét bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét câu trả lời của học sinh -> dẫn dắt vào nội dung tiết học

**HĐ 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động: I. Xác định đề tài, không gian và thời gian nói**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được đề tài, mục đích nói và người nghe;

- Xác định không gian và thời gian nói;

**b. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - Gv yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**Hoạt động: II. Tìm ý và lập dàn ý.**

**a. Mục tiêu:**

- HS tìm ý và lập dàn ý.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - Gv yêu cầu HS thực hiện phiếu HT 2  - Những phương tiện phi ngôn ngữ tôi sẽ sử dụng để tăng sức thuyết phục cho bài nói:………..  - Lập dàn ý dựa vào sơ đồ sau    - Phiếu HT 3: Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Cá nhân HS suy nghĩ hoàn thành yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS ghi ý kiến của bạn và phản hồi của mình.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV Đánh giá, nhận xét, bổ sung. | \* Tìm ý: theo sơ đồ.  \* Lập dàn ý: Theo gợi ý từ tiết trước.  1. Mở bài  – Giới thiệu khái quát về Internet  – Dẫn dắt vào vấn đề tác động của internet  2. Thân bài  a. Tác động tích cực của internet  – Đối với cuộc sống  + Internet là kênh thông tin khổng lồ, từ điển bách khoa đồ sộ, là thế giới tri thức phong phú, đa dạng, cập nhật.  + Internet là phương tiện trao đổi, giao lưu, giải trí giữa mọi người trên toàn thế giới  + Internet có mặt trong mọi mặt đời sống như kinh tế – chính trị, văn hóa – xã hội, góp phần không nhỏ cho sự phát triển của các ngành kinh tế.  – Đối với con người đặc biệt là với học sinh  + Tiếp cận với nguồn tri thức khổng lồ  + Học tập qua mạng, chủ động tìm kiếm những phương pháp học tập hay, mới lạ  + Là sân chơi bổ ích, giải trí đa màu sắc  + Cập nhật tình hình trong nước và trên thế giới mọi lúc mọi nơi  b. Tác động tiêu cực của internet  – Đối với cuộc sống  + Nguồn thông tin chưa được kiểm chứng, xác thực một cách chặt chẽ  + Chứa nhiều tin xấu, bạo động, lừa đảo  + Lạm dụng internet dẫn đến hao tốn thời gian, sức khỏe và tiền bạc  – Đối với con người, thanh niên, học sinh  + Tình trạng nghiện internet, nghiện các trò chơi điện tử bỏ bê học hành  + Lạm dụng, sử dụng không đúng mục đích các nền tảng mạng xã hội  + Dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, chia sẻ thông tin sai lệch trên mạng xã hội  c. Giải pháp  – Sử dụng internet đúng cách, đúng mục đích  – Sử dụng internet một cách văn hóa, có chọn lọc và kiểm duyệt  – Hạn chế để lộ thông tin cá nhân trên mạng internet  3. Kết bài: - Khẳng định lại ý kiến của bản thân.  - Bài học nhận thức và hành động |

**Hoạt động: III. Luyện tập và trình bày.**

**a. Mục tiêu:**

- Kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  Gv Yêu cầu  - NV1: HS luyện nói một mình và luyện nói trước tổ nhóm.  - NV2: trình bày trước lớp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - NV1: Cá nhân HS luyện nói trước nhóm tổ.  - NV2: Gv tổ chức bốc thăm, trò chơi “con số ngẫu nhiên” để chọn HS trình bày.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV Đánh giá, nhận xét.  - Nhắc nhở HS khác ghi chép lại ý kiến của bạn, ghi lại những câu hỏi, nội dung trao đổi với bạn. | ***a. Luyện tập***  - HS nói một mình.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.  ***b. Trình bày***  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày ý kiến về đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Tương tác với người nghe qua điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… tự tin.  + Sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp bài nói. |

**Hoạt động: IV. Trao đổi, đánh giá.**

**a. Mục tiêu:**

Kĩ năng bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe..

**b. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**  - Gọi một số HS trao đổi thảo luận về bài nói của bạn  + 3 ưu điểm về bài nói của bạn  + 2 hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói  - GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình hoặc đánh giá bài nói của bạn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS chuẩn bị ý kiến của mình qua ghi chép khi bạn trình bày.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - Gv hướng dẫn, tổ chức cho HS trao đổi về phần trình bày của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV Đánh giá, nhận xét. |  |

****

**HĐ3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức đã học

**b. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ** học tập.

GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”. GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm, HS giành quyền trả lời

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

HS tham gia trò chơi

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

Gv nhận xét, nhắc lại các kiến thức liên quan

**HĐ4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức của bài học vào thực hành.

**b. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ** học tập.

GV yêu cầu:

- HS tìm hiểu, nêu ý kiến của mình về vấn đề: Bạo lực học đường.

- HS trình bày ý kiến của mình và ghi lại bằng 1 video để gửi giáo viên (thời hạn: 1 tuần)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, tìm hiểu, làm bài (ở nhà)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

HS quay video bài nói gửi cho giáo viên

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét:

Ý thức làm bài

Thời gian nộp bài

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học, luyện nói nhiều lần và đọc, làm trước 7 câu hỏi phần ôn tập để chuẩn bị cho tiết sau

**Tiết 84: ÔN TẬP**

**HĐ1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV tổ chức trò chơi “Nhìn hình đoán tác phẩm”: Quan sát tranh và cho biết bức tranh minh hoạ cho nội dung của văn bản đọc hiểu nào trong bài học 6.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS quan sát tìm câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

HS trả lời (gọi tên các tác phẩm đã học:

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: kết luận, nhận dịnh.**

- GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

**HĐ2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học 6 để hoàn thành các bài tập trong mục Ôn tập.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

**VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:

**Nhiệm vụ**: GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm làm các bài tập

**Nhóm 1:** Làm câu 1 (SGK/26)

**Nhóm 2:** Làm câu 2 – VB 1 (SGK/26)

**Nhóm 3:** Làm câu 3 (SGK/26)

**Nhóm 4:** Làm câu 4 (SGK/26)

**Nhóm 5:** Làm câu 5 (SGK/26)

**Nhóm 6:** Làm câu 7 (SGK/26)

**VÒNG 2:** Nhóm mảnh ghép: Tạo nhóm mới (HS trong từng nhóm đếm số từ 1 đến 6, HS số 1 của các nhóm vào nhóm A, HS số 2 của các nhóm vào nhóm B, HS số 3 của các nhóm vào nhóm C, HS số 4 của các nhóm vào nhóm D, HS số 5 của các nhóm vào nhóm E, HS số 6 của các nhóm vào nhóm G) và thực hiện nhiệm vụ mới (Trả lời câu hỏi):

? Khái quát nội dung bài 6 bằng 1 sơ đồ tư duy?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:

**HS**:

- Làm việc cá nhân 1 phút để xem lại các bài tập đã làm ở nhà.

- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).

**GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

***\* Vòng mảnh ghép***

**HS**:

- 2 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.

- 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.

**GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- GV gọi đại diện 1 nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

**Câu 1 (SGK-26)**

- Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.

- Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.

- Ý kiện, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu 2 (SGK – 26)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Ý kiến** | **Lí lẽ và bằng chứng** | **Mục đích viết** |
| **Tự học – một thú vui bổ ích** | Thú tự học giống thú đi bộ                - Thú tự học là phương thức chữa bệnh âu sầu            - Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn. | - Lí lẽ: Tự học giúp người học hình thành tri thức một cách tự chủ, tự do.  - Bằng chứng: Biết được viên Dạ minh châu, khúc Nghê thường vũ y, kiến thức côn trùng…  - Lí lẽ: Việc đọc sách giúp ta cảm thấy đồng cảm, được an ủi.  - Bằng chứng: Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn, quá trình đọc sách của Mon-ti, Mông-te-xki-ơ  - Lí lẽ: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội  - Bằng chứng: Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến; những tấm gương nhà khoa học tự học… | Tự học – một thú vui bổ ích |
| **Bàn về đọc sách** | Học vấn không chỉ là việc của cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại                - Lịch sử càng tiến lên, di sản tinh thần nhân loại càng phong phú, sách vở tích lũy càng nhiều, thì việc đọc sách cũng ngày càng không dễ     - Đọc sách không cốt lấy nhiều, mà phải chọn cho tinh, cho kĩ. | - Lí lẽ: Các thành quả của nhân loại đã được tích lũy từ đâu, nếu không tiếp thu ta sẽ bị tụt hậu  - Bằng chứng: Học vấn, tri thức của nhân loại đều được lưu trữ trong sách vở, lưu truyền lại để không bị vùi lấp đi.  - Lí lẽ 1: Sách nhiều khiến người ta đọc không chuyên sâu.  - Bằng chứng 1: cách học hiệu quả của người xưa và cách học không hiệu quả, không đọng lại gì.  - Lí lẽ 2: Sách nhiều dễ khiến người ta lạc hướng.  - Bằng chứng 2: Cách đọc tham số lượng mà không vì thực chất.  - Lí lẽ: Nghiền ngẫm, đọc kĩ sẽ phát triển tư duy, hình thành phẩm chất.  - Bằng chứng: Lời răn của người xưa trong việc đọc sách; cách đọc sách qua loa để trang trí bộ mặt của bản thân. | Thuyết phục người đọc 2 vấn đề:  - Tầm quan trọng của việc đọc sách  - Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ |
| **Đừng từ bỏ cố gắng** | Thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng đã chọn.  - Việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng        - Thông điệp: Hãy can đảm đối mặt với khó khăn, thất bại v.à đừng bao giờ từ bỏ cố gắng | - Lí lẽ: muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt vượt qua thất bại của chính mình.  - Bằng chứng: câu nói của Đặng Thùy Trâm  - Lí lẽ: biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.  - Bằng chứng: Thô-mát Ê-đi-sơn, Ních Vu-chi-xích.  - Lí lẽ: cuộc sống sẽ thú vị hơn nếu có đủ ngọt bùi, cay đắng, cả nỗi buồn và niềm vui, đau khổ và hạnh phúc.  - Bằng chứng: thay vì thất vọng và ghét bỏ những chiếc gai sắc nhọn của đóa hoa hồng. Hãy yêu thích màu hoa rực rỡ của nó. | Thuyết phục người đọc đối mặt vượt qua thất bại, luôn luôn cố gắng không ngừng để đạt được thành công. |

**Câu 3 (SGK -26)**

Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, ta cần chú ý:

- Nêu được vấn đề cần bàn luận

- Trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của người viết đối với vấn đề cần bàn luận.

- Đưa ra lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ý kiến.

- Đảm bảo bố cục bài viết 3 phần: mở bài, thân bài và kết bài.

**Câu 4 (SGK – 26)**

Phép lặp từ ngữ

- Phép thế

- Phép nối

- Phép liên tưởng

**Câu 5 (SGK – 26)**

rong quá trình nói, cần lưu ý những điều sau đây khi bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe:

- Lắng nghe nhận xét, phản bác của người nghe một cách kĩ càng

- Cảm ơn ý kiến của người nghe.

- Phân tích ý kiến của người nghe hợp lí hay không hợp lí chỗ nào.

- Chỉ ra chỗ đúng và chưa đúng của đối phương bằng sự nhẹ nhàng tránh gây hiểu nhầm xung đột.

- Nhờ giaó viên chủ nhiệm tham gia góp ý khi cần giúp đỡ.

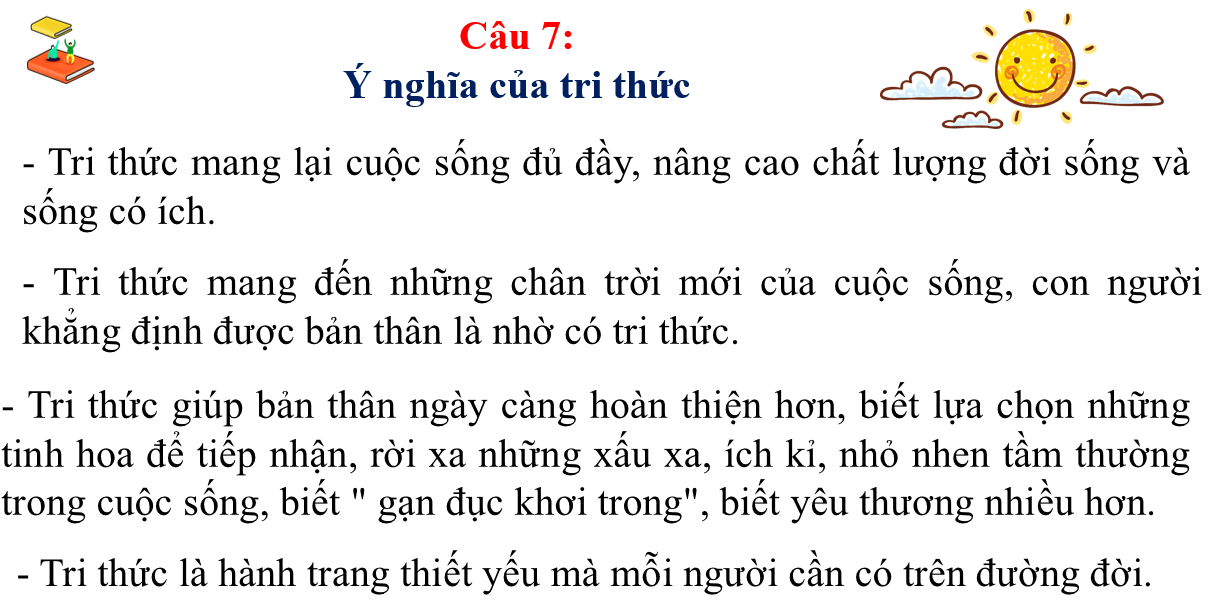
Kinh nghiệm:

- Trình bày rõ ràng, mạch lạc ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.

- Tiếp nhận đóng góp, nhận xét của người nghe.

- Tự tin với bài của mình và thể hiện thái độ tích cực trong phần trình bày.

**Câu 7: (SGK/26)**

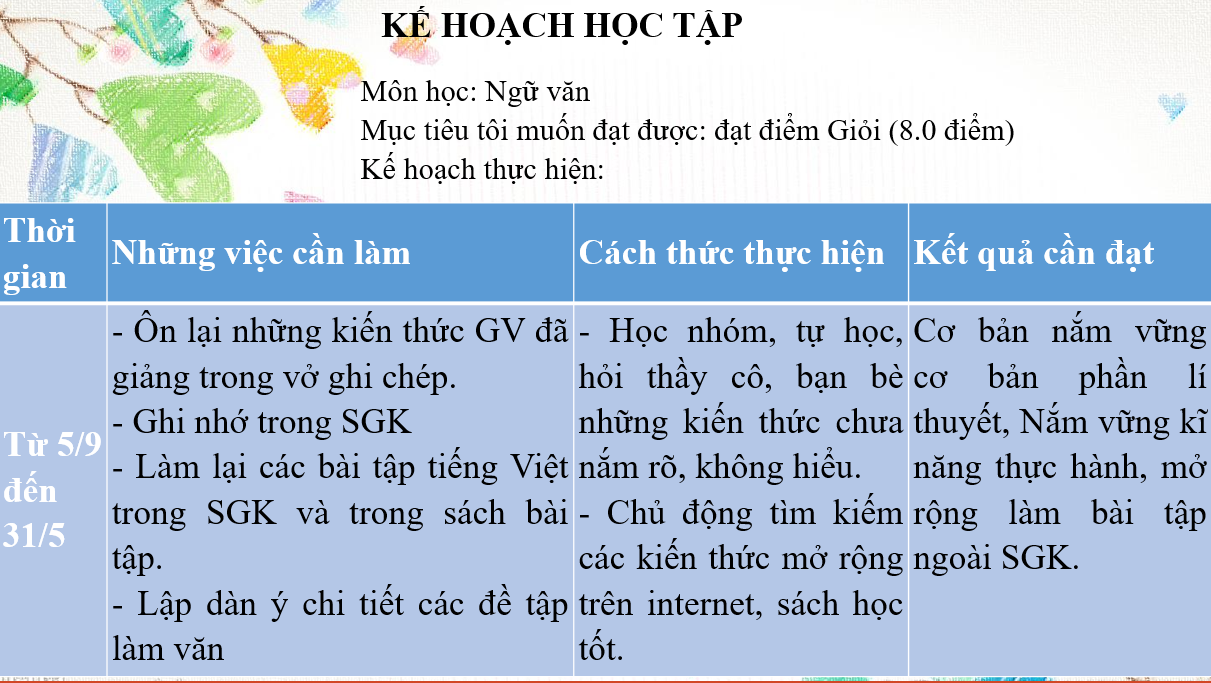
****

**Sơ đồ tư duy (Vòng mảnh ghép)**

****

**Câu 6: (SGK- 26)**

***GV hướng dẫn HS làm***

**

**HĐ3: HOẠT ĐỘNG: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS ôn tập lại các kiến thức đã học

**b. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV Giao nhiệm vụ học tập**:

GV tổ chức trò chơi “Ong non làm việc”. HS giúp các chú ong làm việc bằng cách trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**

HS suy nghĩ trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

HS tham gia trò chơi

HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV đánh giá, nhận xét.

**HĐ4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức của bài học vào giải quyết vấn đề thực tế.

**b. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV Giao nhiệm vụ học tập**:

GV yêu cầu:

Hãy tìm đọc thêm các văn bản nghị luận để hiểu thêm đặc điểm thể loại và có thêm kiến thức văn học phong phú.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện (ở nhà)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

HS báo cáo kết quả với GV

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV đánh giá, nhận xét.

\* **Dặn dò**: Về học xem lại các bài tập đã làm và làm tiếp các bài tập GV đã hướng dẫn. Chuẩn bị bài 7: Trí tuệ dân gian (tục ngữ)